

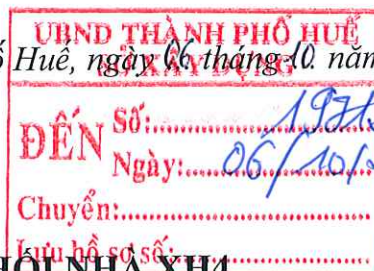
**LIÊN DANH
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TELIN
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
BẤT ĐỘNG SẢN COTANA CAPITAL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49./2025/VBCCTT-COTANA CAPITAL

(Về việc cung cấp thông tin về Khối nhà
XH4 thuộc khu Nhà ở xã hội – Chung cư
cao tầng OXH1)

Thành phố Huế, ngày 06 tháng 10 năm 2025



**CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ KHỐI NHÀ XH4
THUỘC KHU NHÀ Ở XÃ HỘI - CHUNG CƯ CAO TẦNG OXH1**

Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Huế

Liên danh Công ty Cổ phần tập đoàn COTANA - Công ty Cổ phần tập đoàn TELIN - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản COTANA CAPITAL cung cấp thông tin về Khối nhà XH4 thuộc Khu nhà ở xã hội – Chung cư cao tầng OXH1, thuộc Dự án khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 2, thuộc Khu B, Đô thị mới An Vân Dương, thành phố Huế như sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng: Khối nhà XH4 thuộc Khu nhà ở xã hội – Chung cư cao tầng OXH1 thuộc dự án Khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 2, thuộc khu B – Đô thị mới An Vân Dương, thành phố Huế.

2. Địa điểm xây dựng: Dự án Khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 2, thuộc khu B – Đô thị mới An Vân Dương - Phường Võ Dạ, thành phố Huế.

3. Tên và địa chỉ của chủ đầu tư:

- Tên nhà đầu tư: **Liên danh Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana – Công ty Cổ phần Tập đoàn Telin – Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Cotana Capital;**

- Đại diện Liên danh:

+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Cotana Capital

+ Giấy ĐKKD: Số 3301604829 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Huế cấp đăng ký lần đầu ngày 25/01/2017 và các lần thay đổi;

+ Địa chỉ: CM3-03 Camellia Khu đô thị mới An Vân Dương, phường Võ Dạ, thành phố Huế;

+ Điện thoại: 0846 50 6886

4. Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua Nhà ở xã hội:

Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu đăng ký mua nhà ở xã hội liên hệ trực tiếp chủ đầu tư để được hướng dẫn và nộp hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội:

- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Cotana Capital

+ Địa chỉ: CM3-03 Camellia, Khu ĐTM An Vân Dương, phường Võ Dạ, thành phố Huế.

+ Văn phòng giao dịch: Khu nhà mẫu nhà ở xã hội, Khu ĐTM An Vân Dương, phường Võ Dã, thành phố Huế.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: 09/10/2025 đến hết ngày 09/11/2025.

5. Tiến độ thực hiện dự án: Dự kiến từ tháng 07/2025 đến tháng 10/2026

6. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng:

*** Khối nhà XH4:**

- Tầng cao: 01 tầng hầm + 15 tầng nổi;

- Chiều cao: 55,1 m (tính từ sân đường nội bộ); trong đó tầng hầm cao 2,9m, tầng 01 cao 4,2m, tầng 2 đến tầng 15 cao 3,3m/tầng, tầng tum cao 3,8m.

- Diện tích xây dựng: 915m²;

- Tổng diện tích sàn xây dựng: 14.603m²;

- Số lượng căn hộ: 149 căn;

- Diện tích đỗ xe: 1.678m²; trong đó diện tích đỗ xe trong nhà là 1.313 m², diện tích đỗ xe ngoài nhà là 365m²;

- Diện tích sàn sử dụng căn hộ: 8.981,6m²;

- Diện tích sinh hoạt cộng đồng: 83m²;

*** Phương án thiết kế:**

- Thiết kế kết cấu móng dưới cột và khu vực bố trí thang máy theo phương án móng cọc bê tông ly tâm ứng suất trước, cọc BTCT sử dụng cọc PHC loại A; sức chịu tải theo thiết kế; Hệ đài móng, giằng móng, nền tầng hầm, vách tầng hầm sử dụng bê tông cốt thép.

- Kết cấu phần thân: Hệ kết cấu khung dầm, cột, vách, lõi sàn toàn khối, sử dụng bê tông cốt thép.

*** Phương án phòng cháy, chữa cháy:** Bao gồm hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống báo cháy, hệ thống thông gió và hút khói, thiết kế hệ thống điện động lực và điều khiển.

7. Thông tin căn hộ mở bán:

- Số lượng: 149/149 căn hộ, diện tích căn hộ: (32,9 ÷ 75,5) m² chi tiết theo bảng đính kèm.

- Giá bán bình quân căn hộ (đã bao gồm thuế GTGT 5% và chưa bao gồm chi phí bảo trì 2%): **16.962.258 đồng/m² sử dụng căn hộ.**

8. Đối tượng được đăng ký mua nhà ở xã hội:

1. Người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ thuộc trường hợp được hỗ trợ cải thiện nhà ở theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;
2. Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị;
3. Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị;
4. Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp;
5. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công

nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác;

6. Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;
7. Đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 125 của Luật Nhà ở, trừ trường hợp bị thu hồi nhà ở công vụ do vi phạm quy định của Luật này;
8. Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở.

9. Điều kiện được đăng ký mua nhà ở xã hội:

- Điều kiện về nhà ở: Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa có quyền sử dụng đất ở, chưa được mua, thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội; chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức tại Huế.

- Điều kiện về thu nhập:

+ Trường hợp người đứng đơn là người độc thân thì có thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 15 triệu đồng. Trường hợp người đứng đơn đã kết hôn theo quy định của pháp luật thì người đứng đơn và vợ (chồng) của người đó có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 30 triệu đồng.

+ Thời gian xác định điều kiện về thu nhập trong 01 năm liền kề, tính từ thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ cho chủ đầu tư để đăng ký mua nhà ở xã hội.

10. Thành phần hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội:

Thành phần hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội theo quy định tại Nghị định số 100/2024/NĐ-CP.

Liên danh Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA - Công ty Cổ phần Tập đoàn TELIN - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản COTANA CAPITAL cung cấp thông tin về Khối nhà XH4 thuộc Khu nhà ở xã hội – Chung cư cao tầng OXH1, thuộc Dự án khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 2, thuộc Khu B, Đô thị mới An Vân Dương, thành phố Huế để Sở Xây dựng được biết.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.



P.TGD - GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Đào Thu Thủy

THÔNG TIN CÁC CĂN MỞ BÁN NHÀ Ở XÃ HỘI XH4

Đính kèm công văn về việc cung cấp thông tin về Khối nhà XH4 thuộc khu Nhà ở xã hội –
Chung cư cao tầng OXH1

STT	Mẫu nhà	Số nhà	Tầng	DT Sử dụng	Diện tích sàn XD	Giá bán/m2 (bao gồm thuế GTGT)	Tổng giá bán căn hộ (bao gồm thuế GTGT)
1	A5	W4101	1	47.90	51.81	17.169.629	822.425.248
2	A4	W4102	1	40.40	43.75	17.337.959	700.453.548
3	A3	W4103	1	47.30	50.47	17.001.300	804.161.476
4	A1	W4104	1	44.60	47.87	17.590.454	784.534.233
5	A2	W4105	1	32.90	35.44	17.169.629	564.880.807
6	A4	W4106	1	40.40	43.75	17.169.629	693.653.028
7	A3A	W4107	1	46.50	50.26	17.590.454	817.956.095
8	A1A	W4108	1	44.30	47.66	17.758.783	786.714.102
9	A2	W4109	1	32.90	35.44	17.506.289	575.956.901
10	B2	W4201	2	50.80	54.22	16.706.723	848.701.515
11	D1	W4202	2	75.50	80.13	17.295.877	1.305.838.689
12	C1	W4203	2	69.30	73.42	17.211.712	1.192.771.629
13	B1	W4204	2	46.00	48.98	16.706.723	768.509.245
14	C2	W4205	2	66.20	70.17	16.875.052	1.117.128.471
15	B2	W4206	2	50.80	54.22	16.370.063	831.599.217
16	D1A	W4207	2	74.60	79.89	17.127.547	1.277.715.005
17	C1A	W4208	2	69.20	73.22	17.295.877	1.196.874.666
18	B1	W4209	2	46.00	48.98	16.875.052	776.252.412
19	C2	W4210	2	66.20	70.17	16.959.217	1.122.700.184
20	B2	W4301	3	50.80	54.22	16.706.723	848.701.515
21	D1	W4302	3	75.50	80.13	17.295.877	1.305.838.689
22	C1	W4303	3	69.30	73.42	17.211.712	1.192.771.629
23	B1	W4304	3	46.00	48.98	16.706.723	768.509.245
24	C2	W4305	3	66.20	70.17	16.875.052	1.117.128.471
25	B2	W4306	3	50.80	54.22	16.370.063	831.599.217
26	D1A	W4307	3	74.60	79.89	17.127.547	1.277.715.005
27	C1A	W4308	3	69.20	73.22	17.295.877	1.196.874.666
28	B1	W4309	3	46.00	48.98	16.875.052	776.252.412
29	C2	W4310	3	66.20	70.17	16.959.217	1.122.700.184
30	B2	W4401	4	50.80	54.22	16.706.723	848.701.515
31	D1	W4402	4	75.50	80.13	17.295.877	1.305.838.689
32	C1	W4403	4	69.30	73.42	17.211.712	1.192.771.629
33	B1	W4404	4	46.00	48.98	16.706.723	768.509.245
34	C2	W4405	4	66.20	70.17	16.875.052	1.117.128.471
35	B2	W4406	4	50.80	54.22	16.370.063	831.599.217

36	D1A	W4407	4	74.60	79.89	17.127.547	1.277.715.005
37	C1A	W4408	4	69.20	73.22	17.295.877	1.196.874.666
38	B1	W4409	4	46.00	48.98	16.875.052	776.252.412
39	C2	W4410	4	66.20	70.17	16.959.217	1.122.700.184
40	B2	W4501	5	50.80	54.22	16.748.805	850.839.301
41	D1	W4502	5	75.50	80.13	17.337.959	1.309.015.912
42	C1	W4503	5	69.30	73.42	17.253.794	1.195.687.942
43	B1	W4504	5	46.00	48.98	16.748.805	770.445.037
44	C2	W4505	5	66.20	70.17	16.917.135	1.119.914.327
45	B2	W4506	5	50.80	54.22	16.412.146	833.737.004
46	D1A	W4507	5	74.60	79.89	17.169.629	1.280.854.353
47	C1A	W4508	5	69.20	73.22	17.337.959	1.199.786.769
48	B1	W4509	5	46.00	48.98	16.917.135	778.188.203
49	C2	W4510	5	66.20	70.17	17.001.300	1.125.486.040
50	B2	W4601	6	50.80	54.22	16.748.805	850.839.301
51	D1	W4602	6	75.50	80.13	17.337.959	1.309.015.912
52	C1	W4603	6	69.30	73.42	17.253.794	1.195.687.942
53	B1	W4604	6	46.00	48.98	16.748.805	770.445.037
54	C2	W4605	6	66.20	70.17	16.917.135	1.119.914.327
55	B2	W4606	6	50.80	54.22	16.412.146	833.737.004
56	D1A	W4607	6	74.60	79.89	17.169.629	1.280.854.353
57	C1A	W4608	6	69.20	73.22	17.337.959	1.199.786.769
58	B1	W4609	6	46.00	48.98	16.917.135	778.188.203
59	C2	W4610	6	66.20	70.17	17.001.300	1.125.486.040
60	B2	W4701	7	50.80	54.22	16.748.805	850.839.301
61	D1	W4702	7	75.50	80.13	17.337.959	1.309.015.912
62	C1	W4703	7	69.30	73.42	17.253.794	1.195.687.942
63	B1	W4704	7	46.00	48.98	16.748.805	770.445.037
64	C2	W4705	7	66.20	70.17	16.917.135	1.119.914.327
65	B2	W4706	7	50.80	54.22	16.412.146	833.737.004
66	D1A	W4707	7	74.60	79.89	17.169.629	1.280.854.353
67	C1A	W4708	7	69.20	73.22	17.337.959	1.199.786.769
68	B1	W4709	7	46.00	48.98	16.917.135	778.188.203
69	C2	W4710	7	66.20	70.17	17.001.300	1.125.486.040
70	B2	W4801	8	50.80	54.22	16.748.805	850.839.301
71	D1	W4802	8	75.50	80.13	17.337.959	1.309.015.912
72	C1	W4803	8	69.30	73.42	17.253.794	1.195.687.942
73	B1	W4804	8	46.00	48.98	16.748.805	770.445.037
74	C2	W4805	8	66.20	70.17	16.917.135	1.119.914.327

75	B2	W4806	8	50.80	54.22	16.412.146	833.737.004
76	D1A	W4807	8	74.60	79.89	17.169.629	1.280.854.353
77	C1A	W4808	8	69.20	73.22	17.337.959	1.199.786.769
78	B1	W4809	8	46.00	48.98	16.917.135	778.188.203
79	C2	W4810	8	66.20	70.17	17.001.300	1.125.486.040
80	B2	W4901	9	50.80	54.22	16.748.805	850.839.301
81	D1	W4902	9	75.50	80.13	17.337.959	1.309.015.912
82	C1	W4903	9	69.30	73.42	17.253.794	1.195.687.942
83	B1	W4904	9	46.00	48.98	16.748.805	770.445.037
84	C2	W4905	9	66.20	70.17	16.917.135	1.119.914.327
85	B2	W4906	9	50.80	54.22	16.412.146	833.737.004
86	D1A	W4907	9	74.60	79.89	17.169.629	1.280.854.353
87	C1A	W4908	9	69.20	73.22	17.337.959	1.199.786.769
88	B1	W4909	9	46.00	48.98	16.917.135	778.188.203
89	C2	W4910	9	66.20	70.17	17.001.300	1.125.486.040
90	B2	W41001	10	50.80	54.22	16.748.805	850.839.301
91	D1	W41002	10	75.50	80.13	17.337.959	1.309.015.912
92	C1	W41003	10	69.30	73.42	17.253.794	1.195.687.942
93	B1	W41004	10	46.00	48.98	16.748.805	770.445.037
94	C2	W41005	10	66.20	70.17	16.917.135	1.119.914.327
95	B2	W41006	10	50.80	54.22	16.412.146	833.737.004
96	D1A	W41007	10	74.60	79.89	17.169.629	1.280.854.353
97	C1A	W41008	10	69.20	73.22	17.337.959	1.199.786.769
98	B1	W41009	10	46.00	48.98	16.917.135	778.188.203
99	C2	W41010	10	66.20	70.17	17.001.300	1.125.486.040
100	B2	W41101	11	50.80	54.22	16.664.640	846.563.727
101	D1	W41102	11	75.50	80.13	17.253.794	1.302.661.466
102	C1	W41103	11	69.30	73.42	17.169.629	1.189.855.317
103	B1	W41104	11	46.00	48.98	16.664.640	766.573.454
104	C2	W41105	11	66.20	70.17	16.832.970	1.114.342.614
105	B2	W41106	11	50.80	54.22	16.327.981	829.461.429
106	D1A	W41107	11	74.60	79.89	17.085.465	1.274.575.656
107	C1A	W41108	11	69.20	73.22	17.253.794	1.193.962.562
108	B1	W41109	11	46.00	48.98	16.832.970	774.316.620
109	C2	W41110	11	66.20	70.17	16.917.135	1.119.914.327
110	B2	W41201	12	50.80	54.22	16.580.475	842.288.153
111	D1	W41202	12	75.50	80.13	17.169.629	1.296.307.020
112	C1	W41203	12	69.30	73.42	17.085.465	1.184.022.693
113	B1	W41204	12	46.00	48.98	16.580.475	762.701.871

114	C2	W41205	12	66.20	70.17	16.748.805	1.108.770.901
115	B2	W41206	12	50.80	54.22	16.243.816	825.185.856
116	D1A	W41207	12	74.60	79.89	17.001.300	1.268.296.957
117	C1A	W41208	12	69.20	73.22	17.169.629	1.188.138.355
118	B1	W41209	12	46.00	48.98	16.748.805	770.445.037
119	C2	W41210	12	66.20	70.17	16.832.970	1.114.342.614
120	B2	W412A01	12A	50.80	54.22	16.496.311	838.012.579
121	D1	W412A02	12A	75.50	80.13	17.085.465	1.289.952.574
122	C1	W412A03	12A	69.30	73.42	17.001.300	1.178.190.069
123	B1	W412A04	12A	46.00	48.98	16.496.311	758.830.288
124	C2	W412A05	12A	66.20	70.17	16.664.640	1.103.199.188
125	B2	W412A06	12A	50.80	54.22	16.159.651	820.910.281
126	D1A	W412A07	12A	74.60	79.89	16.917.135	1.262.018.260
127	C1A	W412A08	12A	69.20	73.22	17.085.465	1.182.314.147
128	B1	W412A09	12A	46.00	48.98	16.664.640	766.573.454
129	C2	W412A10	12A	66.20	70.17	16.748.805	1.108.770.901
130	B2	W412B01	12B	50.80	54.22	16.496.311	838.012.579
131	D1	W412B02	12B	75.50	80.13	17.085.465	1.289.952.574
132	C1	W412B03	12B	69.30	73.42	17.001.300	1.178.190.069
133	B1	W412B04	12B	46.00	48.98	16.496.311	758.830.288
134	C2	W412B05	12B	66.20	70.17	16.664.640	1.103.199.188
135	B2	W412B06	12B	50.80	54.22	16.159.651	820.910.281
136	D1A	W412B07	12B	74.60	79.89	16.917.135	1.262.018.260
137	C1A	W412B08	12B	69.20	73.22	17.085.465	1.182.314.147
138	B1	W412B09	12B	46.00	48.98	16.664.640	766.573.454
139	C2	W412B10	12B	66.20	70.17	16.748.805	1.108.770.901
140	B2	W41501	15	50.80	54.22	16.496.311	838.012.579
141	D1	W41502	15	75.50	80.13	17.085.465	1.289.952.574
142	C1	W41503	15	69.30	73.42	17.001.300	1.178.190.069
143	B1	W41504	15	46.00	48.98	16.496.311	758.830.288
144	C2	W41505	15	66.20	70.17	16.664.640	1.103.199.188
145	B2	W41506	15	50.80	54.22	16.159.651	820.910.281
146	D1A	W41507	15	74.60	79.89	16.917.135	1.262.018.260
147	C1A	W41508	15	69.20	73.22	17.085.465	1.182.314.147
148	B1	W41509	15	46.00	48.98	16.664.640	766.573.454
149	C2	W41510	15	66.20	70.17	16.748.805	1.108.770.901

